

TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN SINH KẾ VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đinh Thanh Sang

Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Bằng việc sử dụng phương pháp phỏng vấn và khảo sát thực địa, nghiên cứu đã đánh giá ảnh hưởng của chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp đến môi trường và sinh kế người dân tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chuyển mục đích sử dụng đất sang phi nông nghiệp đã góp phần gia tăng nguồn lực tài chính và vốn vật chất, giảm thiểu các hộ nghèo và cận nghèo ($Z = -8,797$; $p = 0,000$). Tuy nhiên, nhiều vấn đề phát sinh như tăng tỉ lệ lao động không có việc làm, vốn tự nhiên là đất đai được chuyển sang vốn nhân lực với một tỉ lệ rất thấp (6,8%), suy giảm vốn xã hội, phát sinh vấn đề ô nhiễm môi trường. Do vậy, nhóm giải pháp tổng hợp được đề xuất nhằm phát triển sinh kế bền vững và bảo vệ môi trường cho các hộ gia đình chuyển mục đích sử dụng đất, bao gồm: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng như vốn xã hội, khuyến khích sự tham gia của cư dân trong bảo vệ môi trường, tăng cường việc thực thi luật bảo vệ môi trường, quy hoạch nguồn lực tự nhiên là đất đai nhằm phục vụ cho việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ở gần hay nằm rải rác trong các khu dân cư.

Từ khóa: chuyển mục đích sử dụng đất, đất nông nghiệp, ô nhiễm môi trường, sinh kế, thị xã Tân Uyên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quá trình đô thị hóa bắt đầu phát triển vào đầu thế kỷ 20 ở nhiều quốc gia của châu Âu và châu Mỹ. Xu hướng đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam trong hai thập niên gần đây. Việt Nam đã tăng 15,8% tỉ lệ đô thị hóa, từ 24,2% năm 2000 lên 40,0% trong năm 2020. Đến cuối năm 2020, số đô thị của cả nước đã tăng lên 862, bao gồm thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Song song với quá trình đô thị hóa, các diện tích đất nông nghiệp ở các vùng kinh tế năng động có xu hướng chuyển dịch mạnh sang mục đích phi nông nghiệp (PNN), kéo theo sự thay đổi lớn về môi trường và sinh kế của cư dân địa phương có đất bị thu hồi.

Có năm nguồn lực chính hình thành khung sinh kế, đó là: nhân lực, vật lực, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực tài chính và nguồn lực xã hội (DFID, 1999). Nông hộ là một trong những thành phần chính có sinh kế bị ảnh hưởng hay hưởng lợi rõ nét từ các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực đang trong quá trình đô thị hóa. Đồng thời, sự chuyển đổi sinh kế của người nông dân ở các vùng đô thị hóa có vai trò rất quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao mức sống của cư dân. Sinh kế bền vững góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn nhân lực, môi trường và trật tự xã hội, đáp ứng được mục tiêu cơ bản của đô thị hóa và làm nền tảng cho phát triển bền vững. Sinh kế của nhiều cộng đồng cư dân phụ thuộc lớn vào nguồn lực tự nhiên như tài nguyên đa dạng sinh học, tài nguyên đất đai, đã được rất nhiều tác giả nghiên cứu

nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững (Chambers & Conway, 1992; Rahman, 2014; Đinh Thanh Sang & Phạm Thị Vân, 2020; Dinh, 2020). Các nghiên cứu đã phát hiện rằng nguồn lực con người, vốn xã hội trong cộng đồng còn tồn tại rất nhiều hạn chế, tác động tiêu cực đến sinh kế và môi trường. Việc chuyển mục đích sử dụng đất (SDĐ) đã góp phần tăng nguồn lực tài chính và vật lực của nông hộ nhưng lại ảnh hưởng xấu đến nguồn lực tự nhiên, ô nhiễm môi trường (Dinh *et al.*, 2010). Hơn nữa, cùng với xu hướng đô thị hóa nhanh hiện nay ở Việt Nam, một số nghiên cứu đã đánh giá tác động của việc chuyển mục đích SDĐ nông nghiệp sang đất PNN đến môi trường và sinh kế của nông hộ bị thu hồi đất (Huỳnh Văn Chương & Ngô Hữu Hoành, 2010; Huỳnh Phú Hiệp & Lê Quang Trí, 2011). Các nghiên cứu này chỉ giới hạn trong nhóm các hộ dân chuyển mục đích SDĐ thụ động hay bị thu hồi đất trong vùng dự án, chưa đề cập đến nhóm nông hộ chủ động chuyển mục đích SDĐ trong bối cảnh đô thị hóa.

Năm 2014 huyện Tân Uyên được chia tách thành huyện Bắc Tân Uyên và thị xã Tân Uyên theo Nghị quyết 136/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ. Thị xã Tân Uyên được công nhận là đô thị loại IV của tỉnh Bình Dương vào năm 2014 và trở thành đô thị loại III năm 2018. Có 12 đơn vị hành chính xã, phường, diện tích tự nhiên là 19.175,72 ha, giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu của tỉnh Đồng Nai. Với diện tích tự nhiên là 19.175,72 ha, dân số Tân Uyên có 379.431 người, trong đó tạm trú

chiếm 69%, số người trong độ tuổi lao động là 62.700. Toàn thị xã có 5.460 nhà trọ với 103.900 phòng trọ. Nhiều cơ sở sản xuất, doanh nghiệp xen lẫn trong các khu dân cư. Định hướng của thị xã Tân Uyên là tăng tỉ trọng dịch vụ - thương mại, giảm tỉ trọng trọng lĩnh vực công - nông nghiệp. Giai đoạn 2013-2020, địa phương này đã chuyển mục đích 827,7 ha đất nông nghiệp sang PNN. Tiến trình đô thị hóa nhanh ở Tân Uyên đã tạo ra một sự chuyển dịch mục đích SĐĐ, làm ảnh hưởng đến sinh kế của đại bộ phận cư dân địa phương. Tuy nhiên, tác động của sự chuyển mục đích SĐĐ đến sinh kế và môi trường ở thị xã Tân Uyên vẫn chưa được nghiên cứu cũng như hiểu biết đầy đủ. Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng môi trường và chuyển đổi sinh kế của nông hộ có chuyển mục đích SĐĐ ở thị xã Tân Uyên. Từ đó, để có giải pháp phát triển sinh kế bền vững và bảo vệ môi trường tại địa phương thì việc nghiên cứu này là cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Phương pháp kế thừa được sử dụng để thu thập số liệu thứ cấp, tổng hợp từ các báo cáo của địa phương về dân cư, thực trạng canh tác nông nghiệp và sử dụng nguồn lực đất đai. Các thông tin về cơ sở hạ tầng, dự án, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu vực nghiên cứu.

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phương pháp phỏng vấn nông hộ và khảo sát thực địa. Tiêu chí quan trọng chọn khu phố nghiên cứu là phải ở trong các phường có tốc độ đô thị hóa cao trên 80%, chọn ngẫu nhiên các hộ gia đình có sự chuyển dịch chính từ sản xuất nông nghiệp sang các ngành nghề PNN. Dung lượng mẫu nghiên cứu được tính theo công thức $n = N/(1+N.e^2)$ (Yamane, 1967). Trong đó, N là tổng số hộ chuyển sang nghề PNN ở các khu phố được chọn (962 hộ), e là sai số (10%), vậy số mẫu tối thiểu cần là $n \approx 90,6$ hộ. Để đạt được dung lượng này, 150 bảng hỏi được gửi đến các hộ dân của 9 khu phố ở các phường Khánh Bình, Tân Hiệp và Uyên Hưng thuộc thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương trong thời gian từ tháng 12/2020 đến tháng 3/2021. Kết quả có 133 phiếu hợp lệ được đưa vào phân tích. Những hoạt động sinh kế của các hộ trong nghiên cứu đã hoặc đang gắn liền với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các tiêu chí phân loại nhóm hộ căn cứ theo

Quyết định số 65/QĐ-UBND về việc quy định chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều tỉnh Bình Dương, bao gồm: Hộ nghèo ở khu vực nghiên cứu là những gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 1,4 triệu đồng trở xuống. Hộ cận nghèo có thu nhập bình quân trên 1,4 đến 1,8 triệu đồng; hộ khá có thu nhập từ 1,8 đến 2,7 triệu đồng.

2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Tiếp cận khung sinh kế bền vững (DFID, 1999), các thông tin chính của các hộ được thu thập, bao gồm: nhân lực, nguồn lực tự nhiên, vật lực, nguồn lực tài chính, và nguồn lực xã hội. Số liệu thống kê được xử lý bằng Excel và phần mềm SPSS 16.0. Independent samples *t*-test và Wilcoxon signed ranks test được sử dụng trong việc xử lý và phân tích dữ liệu. Trong đó, Independent samples *t*-test được sử dụng để so sánh trung bình tình trạng kinh tế của nhóm hộ gia đình còn đất nông nghiệp và nhóm không còn loại đất này sau khi chuyển mục đích SĐĐ. Wilcoxon signed ranks test được dùng để so sánh sự thay đổi về diện tích đất, nguồn lực xã hội và ô nhiễm môi trường của các hộ trong nghiên cứu giữa hai thời điểm 2013 và 2020.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm nhóm hộ nghiên cứu

Cùng với tiến trình đô thị hóa, cư dân ở khu vực nghiên cứu đã và đang trong quá trình chuyển đổi từ hoạt động sản xuất nông nghiệp sang PNN. Nhiều hộ gia đình đã chuyển sang làm công nhân, nghề thủ công, kinh doanh, dịch vụ, cho thuê nhà trọ, nhà kho trên đất có nguồn gốc từ đất nông nghiệp. Những hộ chuyển sang làm nghề thủ công, kinh doanh nhỏ lẻ như may gia công, kinh doanh phế liệu, sản xuất đồ đá, rửa xe, hớt tóc, dịch vụ nhà đất, dịch vụ ăn uống, bán tạp hóa. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tổng số nhân khẩu trong 133 hộ nghiên cứu là 588 người, trung bình mỗi hộ có 5,2 người. Tuổi trung bình của các chủ hộ là 55,7 và 85,0% là nam giới (Bảng 1). Chỉ có 3,8% có trình độ đại học, 17,3% đã tốt nghiệp trung học phổ thông, còn lại là trung học cơ sở trở xuống (Bảng 1). Tình trạng kinh tế hộ gia đình của nhóm còn đất nông nghiệp và nhóm không còn loại đất này sau khi chuyển mục đích SĐĐ không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (Independent samples *t*-test; $F = 0,320$; $p = 0,724$).

Bảng 1. Thông tin chủ hộ của các hộ được phỏng vấn

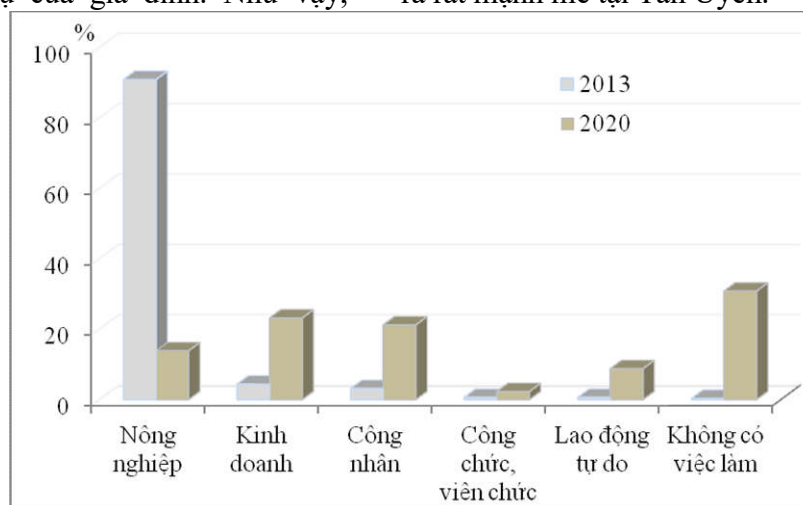
TT	Chỉ tiêu	Hộ giàu	Hộ trung bình	Hộ cận nghèo	Hộ nghèo
1	Hộ được phỏng vấn (%)	88,0	6,8	3,8	1,5
2	Giới tính của chủ hộ (%)				
	Nam	74,4	6,8	3,0	0,8
	Nữ	13,5	0,0	0,8	0,8
3	Tuổi bình quân của chủ hộ (năm)	55,6	59,2	54,8	52,5
4	Văn hóa của chủ hộ (%)				
	Tiểu học	30,8	4,5	0,8	0,0
	Trung học cơ sở	37,6	1,5	2,3	1,5
	Trung học phổ thông	15,8	0,8	0,8	0,0
5	Trình độ chuyên môn (%)	3,8	0,0	0,0	0,0

(Nguồn: phỏng vấn, 2020)

3.2. Thay đổi cơ cấu lao động

Kết quả cho thấy, cư dân địa phương thuộc nhóm dân số trẻ, 63,6% trong độ tuổi lao động. Lực lượng lao động đã qua đào tạo nghề và có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên có tỉ lệ thấp (4,4%). Trước khi chuyển mục đích SDD, 100% các hộ là thuần nông; mỗi hộ có trung bình có 2,2 lao động làm nông. Sau khi chuyển đổi, chỉ còn 47,4% kiêm sản xuất nông nghiệp với 0,4 lao động/ hộ, nông nghiệp chỉ còn là nguồn thu nhập phụ của gia đình. Như vậy,

trung bình 1,8 lao động nông nghiệp trên một hộ không còn tham gia sản xuất trong lĩnh vực này. Hình 1 cho thấy, tỉ lệ lao động nông nghiệp giảm mạnh, từ 90,9% năm 2013 xuống 13,8% trong năm 2020. Ngược lại, tỉ lệ lao động trong các ngành PNN tăng mạnh: sản xuất kinh doanh (4,4% lên 23,2%), công nhân (3,1% lên 21,2%), công chức – viên chức (0,6% lên 2,3%), lao động tự do (0,6% lên 8,8%). Điều này minh chứng cho tiến trình đô thị hóa đã và đang diễn ra rất mạnh mẽ tại Tân Uyên.



Hình 1. Cơ cấu lao động giai đoạn 2013-2020

(Nguồn: phỏng vấn, 2020)

Tỉ lệ không có việc làm tăng cao, từ 0,3% năm 2013 lên 30,8% trong năm 2020 (Hình 1). Nghiên cứu cho thấy, lao động nông nghiệp khi không còn làm nghề nông thì không muốn học nghề hay nâng cao trình độ do tuổi cao, ỷ lại nguồn thu nhập từ PNN, hay quen với lối sống nông nhàn. Nhóm này chủ yếu hàng ngày ở nhà, phụ giúp những việc vặt trong gia đình. Đặc biệt, một bộ phận làm nghề nông đã chuyển sang lao động tự do, làm thuê theo thời

vụ, không cần chuyên môn sâu, thu nhập không ổn định. Tỉ lệ này tăng từ 0,6% trong năm 2013 lên 8,8% trong năm 2020. Lao động tự do phục vụ cho các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp hay kinh doanh, dịch vụ. Hầu hết những lao động sau khi chuyển mục đích SDD không có việc làm hay trở thành lao động tự do đều có lứa tuổi trung niên trở lên. Họ khó có khả năng thích ứng với chuyển đổi nghề nghiệp.

3.3. Thay đổi về nguồn lực tự nhiên

Nguồn lực tự nhiên của các hộ trong nghiên cứu trước và sau khi chuyển mục đích sử dụng đất chủ yếu từ tài nguyên đất. Hiện nay, nhiều hộ có thu nhập cao nhờ hoạt động kinh doanh nhà trọ hay cho thuê xưởng sản xuất trên diện tích mà trước đây là đất nông nghiệp. Năm 2020, 100% số hộ được khảo sát có thu nhập chủ yếu dựa vào nguồn lực đất đai. Trong đó,

80,5% có phần lớn thu nhập từ nhà trọ; 7,5% từ cửa hàng tạp hóa, kinh doanh; 6,8% từ đất làm kho, xưởng tiểu thủ công nghiệp; 47,4% vẫn còn một tỉ lệ rất thấp thu nhập từ sản xuất nông nghiệp. Theo Bảng 1, diện tích trung bình của mỗi hộ giảm mạnh (-0,21 ha), giảm 24,9% diện tích. Wilcoxon signed ranks test cho thấy, mức giảm này có ý nghĩa thống kê ($Z = 6,280$; $p = 0,000$).

Bảng 2. Biến động diện tích trung bình trên hộ theo mục đích sử dụng đất

Loại đất	Diện tích trung bình/ hộ gia đình (ha)		
	2013	2020	Tăng, giảm
Trung bình tổng diện tích/ hộ	0,84	0,63	-0,21
Đất nông nghiệp	0,81	0,43	-0,38
Đất PNN	0,03	0,20	0,17

Trong giai đoạn 2013–2020, diện tích đất nông nghiệp giảm mạnh (-0,38 ha/ hộ), tương đương -25,7% (Bảng 2). Áp dụng Wilcoxon signed ranks test, mức giảm này có ý nghĩa thống kê ($Z = 9,407$; $p = 0,000$). Nguyên nhân giảm như sau: 89,1% diện tích giảm là do các hộ chuyển mục đích (CMD) sử dụng sang đất ở; 10,9% là do bị thu hồi theo quy hoạch đất sản xuất, kinh doanh PNN.

3.4. Thay đổi về vật lực

Nguồn vật lực bao gồm: tài sản của cộng đồng và tài sản của cá nhân mỗi gia đình. Sau khi Tân Uyên trở thành thị xã vào năm 2013, tài sản của cộng đồng ở các khu vực nghiên cứu đã và đang được xây dựng đáp ứng cho tiến trình đô thị hóa. Theo đó, Bến xe khách Tân Uyên, Trường tiểu học Khánh Bình, 1 con đường mới ở phường Uyên Hưng, Trung tâm thể thao - công nhân lao động, 4 trạm biến áp, đường dây 110 kv Tân Định - Khánh Bình, bờ kè sông Đồng Nai, 8 khu nhà ở, và nhiều công trình khác được xây dựng mới. Mở rộng Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, nâng cấp 5 con đường như Dự án lối đi và khu vực chờ đưa đón học sinh trường THCS Tân Hiệp, đường dọc sông Đồng Nai, ĐH 403, ĐH 406, ĐT 747a. Các dự án xây dựng hạ tầng đã cải thiện đời sống của cư dân địa phương. 100% các hộ phỏng vấn cho rằng giao thông thuận lợi hơn, họ dễ dàng tiếp cận trường học, bệnh viện, siêu thị và các dịch vụ khác hơn so với năm 2013 trở về trước. 85,7% cho rằng có nhiều cơ hội việc làm hơn trong lĩnh vực PNN so với năm

2013, đặc biệt là nhân lực phục vụ cho khu công nghiệp. Đồng thời, giảm áp lực về nhà ở cho địa phương.

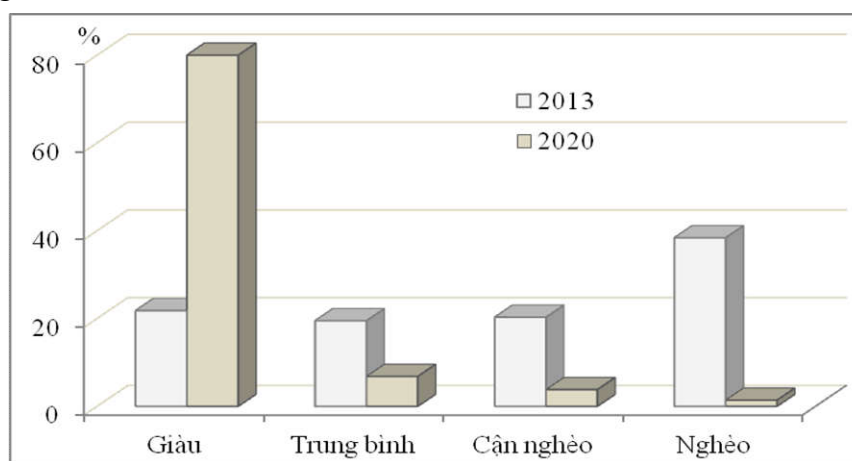
Một đóng góp lớn trong tiến trình đô thị hóa của 80,5% số hộ trong nghiên cứu là đã giải quyết một số lượng lớn nhà trọ cho lao động ở xa. Có 7,5% số hộ chuyển sang đất làm cửa hàng tạp hóa, kinh doanh; 6,8% làm kho, xưởng tiểu thủ công nghiệp; 8,9% có đất bị quy hoạch làm đất sản xuất. Nguồn lực để xây nhà trọ, cơ sở nghề hay kinh doanh sau khi chuyển mục đích SDD chủ yếu từ chuyển nhượng một phần diện tích đất, tiền đền bù sau quy hoạch và hỗ trợ để chuyển đổi nghề. Tất cả các nhà trọ, cơ sở nghề hay kinh doanh trong mẫu nghiên cứu có chất lượng đầu tư thấp, nhỏ lẻ, hiệu suất thấp, mô hình lạc hậu, chưa có tính chuyên nghiệp và chỉ phục vụ cho tầng lớp thu nhập thấp. 100% số hộ sử dụng nguồn lực tài chính có nguồn gốc từ đất đai để mua sắm điện thoại di động, đồ gia dụng, xe máy hay ô tô đời mới; có 21,8% sử dụng để xây mới nhà cấp III trở lên. Nguồn lực vật chất này không góp phần tạo ra thu nhập cũng như cải thiện sinh kế cho gia đình.

3.5. Thay đổi về nguồn lực tài chính

Nguồn lực tài chính của các hộ dân trong mẫu nghiên cứu là nguồn vốn tự có, vay từ ngân hàng hoặc của cá nhân. Các nông hộ được vay vốn từ ngân hàng với lãi suất ưu đãi để đầu tư cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, các nông hộ sau khi chuyển sang ngành, nghề khác thì không được ưu đãi này.

Nguồn lực tài chính không thường xuyên của các hộ sau khi chuyển mục đích SĐĐ chủ yếu từ chuyển nhượng một phần diện tích đất, tiền đền bù sau quy hoạch và hỗ trợ để chuyển đổi nghề. Theo kết quả phỏng vấn, 100% số hộ sử dụng nguồn lực này để mua sắm phương tiện hiện đại, vật dụng đắt tiền, xây mới nhà; chỉ 6,8% sử dụng cho mục đích đào tạo, học nghề. Như vậy, nguồn lực tự nhiên là đất đai

được chuyển sang vốn tài chính, sau đó được chuyển thành nguồn lực vật chất; chỉ một phần rất nhỏ được sử dụng cho mục đích đào tạo nhân lực. Đặc biệt, đây là nguồn vốn để các hộ xây nhà trọ, kho, cửa hàng tạp hóa. Đây là chiến lược sinh kế hướng tới ổn định thu nhập cho các hộ gia đình, nhưng không tập trung nâng cao trình độ lao động đáp ứng nhu cầu thực tiễn.



Hình 2. Tỷ lệ giàu nghèo giai đoạn 2013-2020

(Nguồn: phỏng vấn, 2020)

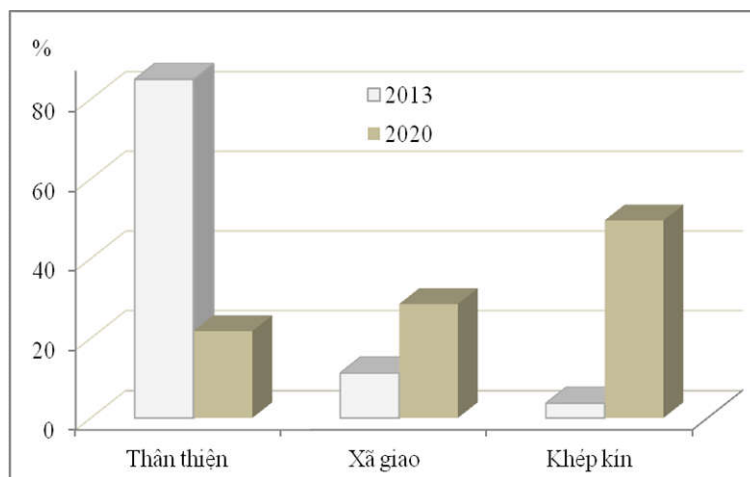
Sự chuyển mục đích SĐĐ sang PNN đã nâng cao được đời sống kinh tế của hộ gia đình. Thu nhập trung bình của các hộ gia đình trong nghiên cứu là 3,2 triệu đồng/người/tháng trong năm 2020, trong khi đó con số này chỉ 0,5 triệu trong năm 2013. Hình 2 cho thấy, tỉ lệ giàu nghèo của các hộ trong nghiên cứu có sự thay đổi khác biệt giai đoạn 2013-2020 (Wilcoxon signed ranks test; $Z = -8,797$; $p = 0,000$).

3.6. Thay đổi về nguồn lực xã hội

Từ khi thành lập Thị xã Tân Uyên năm 2014, quá trình chuyển mục đích SĐĐ của cư dân đã có tác động đáng kể đến nguồn vốn xã hội. Hình 3 cho thấy, năm 2013 trở về trước, khi chưa bỏ nghề nông, 85,0% số người trả lời là có mối quan hệ hàng xóm thân thiện, 11,3% là xã giao, còn lại 3,7% là sống khép kín. Như vậy, trong giai đoạn 2013-2020 mối quan hệ hàng xóm đã có xu hướng chuyển dịch từ thân thiện sang xã giao (28,6%) và lối sống khép kín (49,6%). Sự thay đổi này có ý nghĩa thống kê (Wilcoxon signed ranks test; $Z = -9,596$; $p = 0,000$). Trước khi chuyển mục đích SĐĐ, 100% các hộ tham gia Hội nông dân và có sự trao đổi, hợp tác trong sản xuất, tiến bộ kỹ

thuật. Sau khi chuyển đổi, chỉ còn 36,8% số hộ là thành viên của Hội nông dân. Trong đó, 13,8% có nghề nghiệp chính là nông nghiệp, 23,0% kiêm nông nghiệp. Thực tế 23,0% các hộ còn nghề phụ là nông nghiệp nhưng vẫn còn là thành viên Hội nông dân ít tham gia các hoạt động của tổ chức. Còn lại 63,2% số gia đình không còn gắn kết với Hội nông dân do không còn hoạt động sản xuất nông nghiệp, quan hệ hàng xóm chuyển sang hướng xã giao hay sống khép kín.

Tương tự như trường hợp ở vùng đệm Vườn quốc gia Bù Gia Mập (Đinh Thanh Sang & Phạm Thị Vân, 2020), những hộ trong nghiên cứu ở Tân Uyên khi còn thuần nông đã có các hình thức làm đổi công, cho mượn vốn sản xuất, trao đổi thông tin và kinh nghiệm canh tác cũng như hỗ trợ tiêu thụ nông sản. Đây chính là những gắn kết xã hội tạo nên tính thân thiện, tin tưởng nhau trong cuộc sống. Tuy vậy, từ sau khi tốc độ đô thị hóa mạnh cùng sự chuyển dịch lớn sang nghề PNN, sự gắn kết xã hội giữa các hộ gia đình ngày càng giảm dần. Nghiên cứu cho thấy, giữa các nhóm hộ kinh doanh nhà trọ, buôn bán nhỏ hay làm nghề thủ công có rất ít sự hợp tác, tương hỗ lẫn nhau.



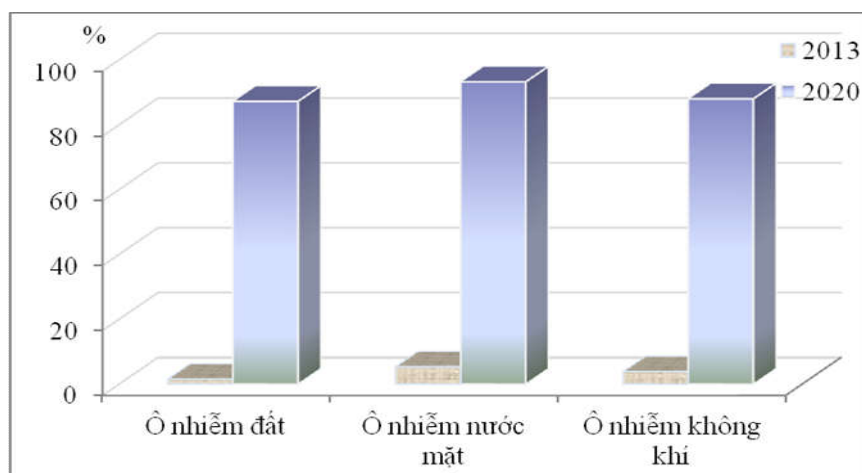
Hình 3. Mối quan hệ hàng xóm giai đoạn 2013-2020
(Nguồn: phỏng vấn, 2020)

Sau khi chuyển mục đích SĐĐ và có thu nhập cao hơn, phần lớn nhóm không có việc làm (30,8% số hộ phỏng vấn) có xu hướng sử dụng thời gian rảnh cho việc nhậu, hát karaoke dịch vụ, đánh bi da, đánh bài. Các hoạt động này là nguồn gốc gây ra nhiều mâu thuẫn, xung đột giữa các thành viên trong gia đình hay bạn bè, hàng xóm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 29,3% số hộ phải bán dần vốn tự nhiên là đất đai vì nhiều mục đích khác nhau, trong đó có vấn đề chi tiêu cho cuộc sống hàng ngày với các hoạt động thiếu tính tiết kiệm, gây lãng phí nguồn lực.

3.7. Tác động đến môi trường

Chuyển mục đích SĐĐ đã có tác động gây ô

nhiễm môi trường không khí, nước mặt và đất. Sau khi chuyển sang đất ở, kinh doanh hay đất sản xuất, 88,0% số người được phỏng vấn trong năm 2020 trả lời rằng các dãy nhà trọ và cơ sở sản xuất thường xuyên gây ra mùi hôi khó chịu (Hình 4). Các cơ sở sản xuất thủ công, kinh doanh phế liệu gây ra khói, bụi, tiếng ồn. Người ở trọ thường xuyên gây tiếng ồn hay mất trật tự về đêm. Ruồi xuất hiện rất nhiều hơn so với trước đây. Chỉ 3,8% cho rằng năm 2013 có tình trạng ô nhiễm không khí. Wilcoxon signed ranks test cho thấy, sự ô nhiễm không khí trong năm 2020 là cao, khác biệt so với năm 2013 và có ý nghĩa thống kê ($Z = -10,583; p = 0,000$).



Hình 4. Ý kiến của cư dân về các tác động đến môi trường
(Nguồn: phỏng vấn, 2020)

Có 87,2% số hộ được phỏng vấn trong năm 2020 đồng ý rằng đất nông nghiệp và đất ở bị ô nhiễm do hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt từ các dãy nhà trọ; cũng theo kết quả phỏng vấn, con số này chỉ 1,5% trong năm

2013. Áp dụng Wilcoxon signed ranks test, sự ô nhiễm đất trong giai đoạn 2013-2020 là khác biệt có ý nghĩa thống kê ($Z = -10,677; p = 0,000$). Do ngập nước ô nhiễm nên 100% hộ còn đất nông nghiệp chỉ còn sản xuất một vụ,

thay vì hai hoặc ba vụ như trước đây. Nước ô nhiễm dồn ứ lại trên các diện tích canh tác trong mùa mưa do không có hệ thống kết nối. Đặc biệt, 80,7% số hộ còn đất nông nghiệp có 55,2% diện tích đất không sản xuất, chỉ có cỏ dại mọc (Hình 5). Nguyên nhân chính là do ô nhiễm đất và lợi nhuận canh tác rất thấp.

Có 93,2% hộ được phỏng vấn cho rằng tình trạng ô nhiễm môi trường nước mặt xảy ra do nhà máy, xí nghiệp và nhà trọ. Cá và các loài

thủy sinh khác không còn ở mương Bà Tô, suối Cái hay một số con suối khác (Hình 5). Các dòng chảy này thường xuất hiện bọt trắng, nước thì chuyển màu đen, có mùi hôi. Nhiều khu nhà trọ xả rác bừa bãi và có nước sinh hoạt chảy tràn ra xung quanh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự ô nhiễm nước mặt trong năm 2020 là khác biệt so với năm 2013 ($Z = -10,817; p = 0,000$).



Hình 5. Mương Bà Tô ở Khánh Bình, Tân Uyên

(Nguồn: nghiên cứu thực địa, 2020)

3.8. Đề xuất giải pháp phát triển bền vững

Nguồn lực xã hội: Địa phương cần phát triển vốn xã hội dựa trên việc tham vấn, thúc đẩy hình thành các hợp tác xã cho các hộ làm nghề thủ công, kinh doanh tạp hóa, hội các gia đình cho thuê nhà trọ. Các tổ chức này cần có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội nhằm phát huy vai trò xây dựng và phát triển vốn xã hội. Tương tự như trường hợp ở Vườn Quốc gia Cát Tiên (Dinh, 2020 & 2021), cần xây dựng vốn xã hội bằng cách khuyến khích sự tham gia của các hộ gia đình trong nghiên cứu thông qua tuyên truyền về lợi ích mà các thành viên cùng được hưởng như hỗ trợ nhau trong cuộc sống, trao đổi thông tin và chia sẻ kinh nghiệm, góp vốn hay cho mượn vốn kinh doanh, chung sức bảo vệ môi trường bền vững.

Nguồn nhân lực: Cần đẩy mạnh tuyên truyền các hộ dân thấy tầm quan trọng của việc nâng cao tay nghề, trình độ lao động. Vốn con

người đóng vai trò trung tâm của khung sinh kế. Định hướng nghề cho nhóm lao động chuyển đổi sang lĩnh vực PNN phù hợp với nhu cầu thị trường tại thị xã Tân Uyên cũng như của tỉnh Bình Dương. Ưu tiên sử dụng nguồn lao động từ các nông hộ chuyển sang nghề PNN. Đồng thời, có chính sách hỗ trợ cho các hộ kinh doanh gây ô nhiễm phải chuyển đổi nghề.

Nguồn lực tài chính: Các hộ dân có trào lưu sử dụng lượng lớn nguồn lực này cho vốn vật chất thông qua việc mua các loại vật dụng hiện đại, đất tiền; ít đầu tư cho đào tạo, học nghề. Vì vậy, cần hướng dẫn cho các hộ gia đình sử dụng hiệu quả vốn tài chính, ưu tiên sử dụng nguồn lực này phục vụ đào tạo, nâng cao trình độ lao động nhằm tăng năng suất, đáp ứng được nhu cầu của hiện đại hóa và đô thị hóa.

Nguồn lực tự nhiên: Cần hướng dẫn và có chính sách hỗ trợ cư dân sử dụng hiệu quả vốn tự nhiên là đất đai. Giảm thiểu việc chuyển

nhượng đất để phục vụ cho việc chi tiêu hàng ngày, các hoạt động thiếu tiết kiệm. Các hộ nên chuyển mục đích SDD các diện tích nông nghiệp bị ô nhiễm, kém hiệu quả sang đất PNN. Trên cơ sở nguồn lực đất đai này, mở các dịch vụ, ngành nghề phục vụ cho đô thị hóa, công nghiệp hóa.

Nguồn vật lực: Cần hướng dẫn cho các hộ tái đầu tư, nâng cấp nhà trọ thành nhiều phân khúc cho thị trường, nên có loại phòng trọ phục vụ cho người có thu nhập trung bình và cao. Đặc biệt, tập trung mở các dịch vụ mà ở địa bàn chưa có như tư vấn và giới thiệu việc làm, cửa hàng tiện ích 24/7, dịch vụ vệ sinh và xử lý ô nhiễm môi trường, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng tư nhân.

Vấn đề môi trường: Cần quy hoạch vốn tự nhiên là đất đai nhằm phục vụ cho việc di dời các nhà máy, cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm ở gần hay nằm rải rác trong các khu dân cư. Địa phương cần có các hoạt động tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người ở trọ. Xây dựng các mô hình hay như tổ nhà trọ tự quản văn minh “xanh – sạch – đẹp”, thực hiện nghiêm việc bảo vệ môi trường và an ninh trật tự, hình thành các chuẩn mực về bảo vệ môi trường. Từ đó, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cư dân trong bảo vệ môi trường và an toàn xã hội.

Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm Luật Bảo vệ môi trường. Ngành môi trường địa phương cần tổ chức quan trắc môi trường đất, nước, không khí tại khu vực nghiên cứu. Lắp đặt các trạm quan trắc nhằm cập nhật thông tin ô nhiễm. Cần có hệ thống đầu nổi, thoát nước ở các khu vực đất thấp bị ngập trong mùa mưa, chẳng hạn như ở phường Bà Tô.

4. KẾT LUẬN

Chuyển mục đích SDD sang PNN của các nông hộ tại thị xã Tân Uyên đã tác động xấu đến nguồn lực tự nhiên, ô nhiễm môi trường, làm suy giảm nguồn lực xã hội, tăng tỉ lệ lao động không có việc làm và lao động tự do, đồng thời vốn tự nhiên đất đai được chuyển sang vốn nhân lực với một tỉ lệ rất thấp. Bên cạnh đó, xu hướng chuyển dịch này đã góp phần gia tăng nguồn lực tài chính và vốn vật chất, giảm thiểu các hộ nghèo và cận nghèo. Đặc biệt, sau khi chuyển sang đất PNN, các hộ đã chủ động chuyển đổi sinh kế. Phần lớn thu nhập của các gia đình là từ việc cho thuê nhà

trợ (80,5%); cửa hàng tạp hóa, kinh doanh (7,5%), và đất làm kho, xưởng tiểu thủ công nghiệp (6,8%). Chỉ một tỉ lệ rất thấp (6,8%) của nguồn lực tự nhiên đất đai phục vụ cho đào tạo nhân lực. Vốn nhân lực dồi dào nhưng chủ yếu là lao động phổ thông. Như vậy, tăng trưởng kinh tế hộ gia đình trong nghiên cứu chủ yếu dựa trên nguồn lực tài chính có nguồn gốc từ đất đai, chứ không dựa trên việc tăng năng suất về lao động hay chất lượng nguồn nhân lực.

Trên cơ sở đó, nhóm giải pháp tổng hợp được đề xuất nhằm đảm bảo sinh kế bền vững và bảo vệ môi trường, góp phần phát triển bền vững thị xã Tân Uyên. Những giải pháp này cần được thực hiện đồng bộ nhằm nâng cao trình độ lao động và nguồn lực xã hội; hình thành các chuẩn mực về văn hóa bảo vệ môi trường; khuyến khích người dân tham gia bảo vệ môi trường; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm vốn tự nhiên đất đai và nguồn lực tài chính; ưu tiên sử dụng nguồn lực này cho mục đích nâng cao trình độ lao động, đặc biệt cho nhóm nông hộ chuyển sang lĩnh vực PNN, đáp ứng được nhu cầu đô thị hóa và công nghiệp hóa. Khuyến khích hình thành các nhóm hợp tác, liên kết trong sản xuất, kinh doanh và bảo vệ môi trường. Cần hướng dẫn và có chính sách hỗ trợ cư dân chuyển đổi nghề nghiệp, sử dụng hiệu quả vốn tự nhiên đất đai bằng cách chuyển mục đích các diện tích nông nghiệp bị ô nhiễm, kém hiệu quả sang đất PNN. Cần có những nghiên cứu, đánh giá định lượng chất lượng đất, nước, không khí tại địa phương. Tăng cường việc thực thi luật bảo vệ môi trường. Cần khẩn trương quy hoạch nguồn lực tự nhiên đất đai nhằm phục vụ cho việc di dời các nhà máy, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ở gần hay xen kẽ trong các khu dân cư. Quy hoạch sử dụng đất PNN phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững của thị xã Tân Uyên, đặc biệt chú ý đến nguồn vốn sinh kế và công tác bảo vệ môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chambers R. & Conway G.R. (1992). Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century. IDS. 296.
2. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2016). Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
3. Dinh T.S., Ogata K., Yabe M. (2010). Contribution of forest resources to local people's

income: a case study in Cat Tien Biosphere Reserve, Vietnam. *Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University*. 55 (2): 397-402.

4. Dinh T.S. (2020). Attitudes of ethnic minorities towards biodiversity conservation in Cat Tien National Park, Vietnam. *Journal of Tropical Forest Science*. 32(3): 305-310. <https://doi.org/10.26525/jtfs2020.32.3.305>

5. Dinh T.S. (2021). Participation of ethnic minorities in natural forest management: Cat Tien National Park, Vietnam case study. *Agriculture and Natural Resources*. 55(2): 273–281.

6. Department for International Development - DFID (1999). Sustainable livelihoods guidance sheets. London, UK.

7. Đinh Thanh Sang & Phạm Thị Vân (2020). Giải pháp sinh kế bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học ở Vườn quốc gia Bù Gia Mập. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*. 1, 53-61.

8. Huỳnh Văn Chương & Ngô Hữu Hoành (2010). Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đến sinh kế của người nông dân bị thu hồi đất tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí khoa học Đại học Huế*. 62A, 47-58.

9. Huỳnh Phú Hiệp & Lê Quang Trí (2011). Thay đổi mục đích sử dụng đất và đời sống kinh tế - xã hội của người dân trong vùng dự án khu đô thị nam Cần Thơ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. 18a, 35-45.

10. Rahman M.M. (2014). Engaging the extreme poor people with private sector for livelihood resilience. *American Journal of Rural Development*. 2(4):59-67.

11. UBND tỉnh Bình Dương (2015). Quyết định số 65/QĐ-UBND về việc quy định chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020 và chính sách bảo lưu đối với hộ thoát nghèo ngày 23/12/2015.

12. Yamane T. (1967). *Statistics: An introductory analysis*, 2nd edition. Harper and Row, New York.

IMPACTS OF LAND USE CHANGE ON LOCAL LIVELIHOOD AND ENVIRONMENT IN TAN UYEN TOWN, BINH DUONG PROVINCE

Dinh Thanh Sang
Thu Dau Mot University

SUMMARY

Based on the local household interviews and field surveys, this article is to analyze the impacts of the land use change on the livelihood and the local environment in Tan Uyen town, Binh Duong province. The findings identify that converting agricultural land into non-agricultural use contributed to increasing the physical and financial capital, reducing the number of poor and near poor households ($Z = -8.797$; $p = 0.000$). Conversely, some challenges were raised such as the higher unemployment rate; the decline in social capital, only a low rate of the land capital (6.8%) being converted to human resource development; and the environmental pollution. Hence, synthetic solutions are proposed for sustainable livelihoods and environmental sustainability in Tan Uyen town. These consist of social capital enhancement, human resource development, promotion of local participation in environmental protection, enforcement of the environmental law, and land use planning.

Keywords: agricultural land, environmental pollution, land use change, local livelihood, Tan Uyen town.

Ngày nhận bài : 04/9/2021
Ngày phản biện : 23/10/2021
Ngày quyết định đăng : 09/11/2021